TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN DƯƠNG KINH** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2019/ST-HNGĐ Ngày 04-4-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Thị Hương

Ông Trần Quang Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Trà My- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Th1; nơi cư trú: Khu 1, phường H, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang Th2; nơi cư trú: Khu 1 phường T, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Th1 trình bày:

Chị Đỗ Thị Th1 và anh Nguyễn Quang Th2 tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thành, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng ngày 18 tháng 12 năm 2002. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Th2 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên uống rượu say sau đó về chửi mắng và đánh đập vợ con, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng không có hạnh phúc. Chị Th1 đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2014 đến nay.

Nay chị Th1 xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, chị Th1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th2.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị D sinh ngày 06-9-2003; Nguyễn Trung D1 sinh ngày 08-6-2005; ly hôn chị Th1 có nguyện vọng được nhận nuôi 02 con chung, chị Th1 không yêu cầu anh Th2 đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Th1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Th2 vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th2 trình bày thống nhất với chị Th1 về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Th1 trình bày. Anh Th2 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị Th1.

Về con chung: Anh Th2 trình bày có 02 con chung như chị Th1 trình bày, nếu ly hôn anh Th2 nhận nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị Th1 đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Th2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Quang Th2 theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị Th1 được ly hôn anh Nguyễn Quang Th2; về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Th1, giao con chung Nguyễn Thị D sinh ngày 06-9-2003; Nguyễn Trung D1 sinh ngày 08-6-2005 cho chị Th1 nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị Th1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị Th1 và anh Nguyễn Quang Th2 kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thành, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng ngày 18 tháng 12 năm 2002; theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Nguyễn Quang Th2 là bị đơn, hiện đang cư trú tại quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Quang Th2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Th2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa khẳng định: Trong quá trình chung sống chị Th1 và anh Th2 đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được, chị Th1 và anh Th2 đã sống ly thân từ năm 2014. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Th1 và anh Th2 đã thực sự không còn yêu thương nhau, không có khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Th1 và anh Th2 xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là chính đáng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Th1.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị D sinh ngày 06-9-2003; Nguyễn Trung D1 sinh ngày 08-6-2005, hiện nay cháu Dung đang ở với chị Th1, cháu D1 đang ở với anh Th2, ly hôn chị Th1 và anh Th2 đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, cả 2 con đều có nguyện vọng được ở với chị Th1. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện chị Th1 đang làm công nhân tại công ty và có mức thu nhập khoảng 9 triệu đồng/tháng, anh Th2 có xác nhận của chính quyền địa phương về việc đang nuôi trồng thủy sản nhưng không có thu nhập cụ thể. Mặt khác, theo tài liệu các minh tại địa phương, tại trường học và lời khai của cháu D1 thể hiện: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu D1 ở cùng với anh Th2, nhưng thỉnh thoảng sau khi uống rượu cháu D1 bị anh Th2 chửi mắng và đánh không có lý do, cháu D1 đã nhiều lần nghỉ học do buồn chán vì bị anh Th2 chửi mắng (có giáo viên chủ nhiệm xác nhận), ngoài ra anh Th2 còn ngăn cản không cho cháu D1 đến thăm chị Th1. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo được sự phát triển của trẻ em cả về mặt thể chất lẫn tinh thần, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th1, giao 02 con chung cho chị Th1 trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị Th1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Th1 và anh Th2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Th1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Đỗ Thị Th1 và anh Nguyễn Quang Th2 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th1 được ly hôn anh Nguyễn Quang Th2.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị D sinh ngày 06 tháng 9 năm 2003 và Nguyễn Trung D1 sinh ngày 08 tháng 6 năm 2005 cho chị Đỗ Thị Th1 nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Th1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Th1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0014103 ngày 05 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Chị Th1 đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Đỗ Thị Th1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Quang Th2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Dương Kinh;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- UBND phường Tân Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai